Văn học biển đảo Việt Nam: nhìn từ lý thuyết diễn ngôn

Trần Trọng Dương*

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Ngày nhận bài 7/10/2016, ngày chuyển phản biện 19/10/2016, ngày nhận phản biện 31/10/2016, ngày chấp nhận đăng 10/11/2016

Bài viết khảo sát các văn liệu của các hoàng đế, văn nhân, quan lại liên quan đến biển Đông trong thời cổ trung đại. Nghiên cứu này cho thấy, diễn ngôn Nho giáo chiếm một địa vị khá quan trọng, nó trở thành bối cảnh tri thức, hệ thống quyền lực để xâu chuỗi các xu hướng khác nhau của diễn ngôn văn học. Cùng với núi và đồng bằng, những diễn ngôn hướng biển với những tri nhận hoặc mỹ cảm về biển đảo có thể coi là những xu hướng không thể không xem xét đến khi nghiên cứu về lịch sử văn học. Như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt, diễn ngôn Nho giáo đã trở thành một trong những nền tảng tư tưởng, và là động lực để người Việt hướng biển và từ biển mở rộng về phương Nam. Việc áp dụng lý thuyết diễn ngôn trong nghiên cứu mảng đề tài này ít nhiều có đóng góp trên phương diện lý luận văn học, góp phần soi sáng một góc khuất nhưng thú vị của lịch sử văn học và lịch sử văn hóa.

***Từ khóa:* diễn ngôn chính trị, diễn ngôn lịch sử, diễn ngôn Nho giáo.**

***Chỉ số phân loại* 5.10**

Vietnamese sea and islands literary history: A view from the Confucian discourse theory

Summary

Based on the primary resources of literary written by kings, officers, confucians in the Vietnamese medieval time, this article presents a research on historical discourses of the East sea. The result showed that the Confucian discourse played an important role in Vietnamese literary history. The Confucian discourse was the intellectual and cultural context which connected the different realms of a literary phenomenon. In company with the view from the mountain and delta, the literary discourse with the view from the sea laid the political foundation for the Vietnamese's Southward expansion. This article has partially contributed to developing the medieval literary theory, and awarkening people to the hidden but interesting corner of the Vietnamese cultural history.

***Keywords:* Confucian discourse, historical discourse, political discourse.**

***Classification number* 5.10**

Đặt vấn đề

Nền văn học trung đại Việt Nam trước nay chủ yếu được phân kỳ trên các tiêu chí hệ hình chính trị (phong kiến - thực dân - cách mạng/hiện đại), hoặc được phân loại theo các tiểu hệ hình tôn giáo (Nho, Phật, Đạo, Thiên chúa) mà hầu như chưa có sự khảo sát trên phương diện nội dung - địa lý (thuộc về chủ đề - phương diện nội dung phản ánh, hay phương vị của chủ thể sáng tác). Với đặc điểm địa - văn hóa, địa - chính trị của Việt Nam, văn học trung - cận đại còn có thể được nhìn từ phương diện diễn ngôn (discourse)[1] của chủ thể sáng tác. Đó có thể là diễn ngôn của con người đồng quê thôn dã với mỹ cảm ruộng đồng, đó có thể là diễn ngôn của con người miền núi đối với đại ngàn - không gian địa văn hóa mà họ sinh trú. Đó cũng có thể là tiếng nói thể hiện xu thế hướng biển và tư duy hướng biển của người Việt. Cùng với núi và đồng bằng, những diễn ngôn hướng biển với những tri nhận hoặc mỹ cảm về biển có thể coi là những xu hướng không thể không xem xét đến khi nghiên cứu về lịch sử văn học nói riêng và lịch

[1]"Discourse" được dịch theo nhiều cách: diễn ngôn, ngôn bản, ngữ trình, diễn từ, lời nói, giải trình ngôn ngữ, diễn trình ngôn ngữ... Bản thân khái niệm "diễn ngôn" có rất nhiều chiều kích phức tạp khác nhau trong lịch sử hình thành của nó. Hay nói cách khác, tính lịch sử của "diễn ngôn" đã làm nên tính đa trị, do nó được diễn ngôn bởi nhiều học giả khác nhau, trong những bối cảnh không hoàn toàn đồng nhất. Ở đây, xin dùng thuật ngữ "diễn ngôn" để lần đầu tiên thử áp dụng cho việc nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam. "Bản chất văn học là diễn ngôn về đời sống. Là một loại hình diễn ngôn, văn học mang tính chất chung của diễn ngôn nói chung, nhưng có nét đặc thù. Cái chung đó là diễn ngôn văn học mang tính ý thức hệ; là phương thức tồn tại của con người, kiến tạo nên bản thân hiện thực; có quy tắc, cơ chế, chức năng riêng; nghiên cứu diễn ngôn văn học là nghiên cứu con người, xã hội, văn hóa" (Trần Đình Sử, 2014).

*Email: trantrongduonghn@gmail.com

sử văn hóa Việt Nam nói chung. Việc khảo sát, sưu tầm nghiên cứu các tác phẩm văn học hướng biển qua tư liệu Hán Nôm sẽ góp phần đưa ra một góc nhìn mới về mặt tư liệu. Việc áp dụng lý thuyết diễn ngôn trong nghiên cứu cũng sẽ ít nhiều có đóng góp trên phương diện lý luận văn học, góp phần soi sáng một góc khuất - nhưng thú vị của lịch sử văn học và lịch sử văn hóa.

Hệ tiêu chí sưu tầm và nghiên cứu văn liệu hướng biển

Tiêu chí nội dung

Đây là tiêu chí căn bản nhất trong quá trình nghiên cứu, là tiêu chí thuộc về nội dung phản ánh. Về mặt đại quan, bất kỳ tác phẩm nào có đề cập đến biển đều thuộc phạm vi sưu tầm và nghiên cứu. Nhưng trong quá trình điều tra, thực tế không phải lúc nào cũng đơn giản như vậy. Bởi ngoài một số thi tập chuyên biệt về biển như *Mân hành thi thoại tập* 閩行詩話集, *Đông hành thi thuyết* 東行詩說[2], thì các tác phẩm văn học hướng biển lại nằm tản mát trong nhiều tác phẩm khác nhau. Một số bài có thể nằm trong các văn tập, thi tập - tức các tác phẩm nghệ thuật chuyên biệt. Một số khác có thể nằm trong các bộ sử hay địa chí, thần tích, ví dụ như *Đại Nam nhất thống chí*. Ngoài ra, cũng không thể không kể đến nhóm văn bản lưu trữ tại địa phương, các văn bia, minh chung, ma nhai, bích họa, hoành phi câu đối. Tuy nhiên, nhóm cuối cùng này là khó sưu tầm nhất, do di tích tuy nằm dọc duyên hải, nhưng không phải chỗ nào cũng có các văn liệu liên quan đến biển, và cho đến nay vẫn chưa có một đề tài nào khảo sát, sưu tầm các tư liệu duyên hải theo một hệ tiêu chí chuyên biệt.

Tiêu chí địa lý học lịch sử

Tiêu chí này cũng thuộc phạm vi về nội dung phản ánh của diễn ngôn văn học. Nhưng nó được hình thành do tính lịch sử của đường bờ biển Việt Nam. Như ta biết, các đồng bằng ven biển trên lãnh thổ nước ta (nhất là Đồng bằng Bắc Bộ) đã được hình thành trong thời gian khá dài do quá trình bồi đắp phù sa của các con sông. Quá trình bồi đắp này có lịch sử hàng ngàn năm, và cho đến nay vẫn chưa kết thúc. Quá trình "Đông tiến" lấp biển của các con sông trong một ngàn năm trở lại đây đã tạo nên diện mạo cơ bản như ngày nay. Song từ khía cạnh lịch sử, không thể cứng nhắc coi các địa danh duyên hải hiện tại là bất biến. Nói cách khác, các văn liệu Hán Nôm thời trung đại, một cách khách quan, đã phản ánh quá trình đông tiến của các cửa sông/cửa biển. Vì thế, khi tiến hành sưu tầm các văn liệu hướng biển, tác giả còn chú ý đến tính lịch sử của các địa danh này. Ở một chừng mực nào đó, các văn liệu này có thể coi như là những sử liệu quý giá cung cấp cho khoa địa lý học lịch sử.

Ví dụ, núi Non Nước (Dục Thúy, thành phố Ninh Bình ngày nay) là một địa danh nằm sâu trong đất liền, cách biển trên dưới 50 km. Thế nhưng, ở đời Trần, qua lời thơ của Phạm Sư Mạnh, chúng ta thấy núi vẫn còn là đảo nổi ở mé biển Đông Nam như một đảo Bồng Doanh trong tiên cảnh. Thêm nữa, một số địa danh cổ đã mất cũng cần được quan tâm, như cửa biển Thần Phù. Đây là một cửa biển rất nổi tiếng được ghi chép trong nhiều sử liệu quan phương. Vị thế cảng biển quan trọng khiến cho cảng biển này trở thành khu vực địa - chính trị quan trọng, là nơi hành quân, tập trận, là nơi giao thương liên vùng, từ Bắc Bộ vào Thanh Hóa và Nghệ An. Thế nhưng, cửa Thần Phù hiện nay hoàn toàn đã trở thành đồng bằng. Đảo Trích Trợ nổi tiếng tọa lạc trên cửa biển này cũng đã trở thành núi.

Tiêu chí ngôn ngữ - văn tự

Với đối tượng nghiên cứu là các tác phẩm văn học thuộc giai đoạn trung đại và cận đại từ năm 1945 trở về trước, chúng tôi cho rằng, cần phải khảo sát một cách tổng thể trên cả hai phương diện ngôn ngữ và văn tự. Trong đó, mỗi giai đoạn lại có những đặc thù riêng do bối cảnh chính sách ngôn ngữ - văn hóa.

Tiêu chí chủ thể sáng tác (tác giả)

Như phần dẫn nhập đã nêu, bài viết sẽ chú ý đến việc nghiên cứu khảo sát các diễn ngôn của chủ thể sáng tác, vì thế xác định phạm vi chủ thể là một việc cũng cần nhất quán ngay từ đầu. Các tác giả sáng tác văn học trong giai đoạn trung - cận đại, chủ yếu là viết song ngôn ngữ - song văn tự, không phân biệt về tôn giáo hay vị thế chính trị. Đó có thể là các nhà Nho (như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến...), các Thiền gia (như Huyền Quang), quan lại (như Lê Quý Đôn, Phạm Nguyễn Du...), các vị thân vương (như Trần Quang Triều, Nguyễn Miên Thanh), hay các vị hoàng đế (như Trần Thánh Tông, Lê Thánh Tông, Thiệu Trị, Tự Đức...). Đương nhiên, có những tác giả đồng thời cùng một lúc có thể thuộc vào hai ba nhóm, song cơ bản chúng tôi dựa trên tiêu chí diễn ngôn để tiến hành phân loại. Chủ thể sáng tác còn có thể là một số người Hoa kiều (người Minh Hương, tiêu biểu như Mạc Thiên Tích với nhóm văn đàn Chiêu Anh Các hay Trịnh Hoài Đức...). Họ đã di cư và định cư trên lãnh thổ Việt Nam và trở thành người Việt, có khả năng sáng tác song ngữ (Hán/Việt). Thực tế, các nhân vật này đã trở thành một bộ phận của lịch sử Việt Nam, các tác phẩm của họ đã trở thành một mảng miếng quan trọng trong lịch sử văn

[2]Trịnh Khắc Mạnh, 2014.

học trung đại Việt Nam.

Với hệ tiêu chí như trên, chúng tôi đã sưu tầm được trên 200 tác phẩm văn học viết về biển trải dài từ thế kỷ VIII đến đầu thế kỷ XX, với bản thảo tác phẩm là gần 400 trang (khổ A4). Số lượng các tác gia bao gồm nhiều nhân vật lịch sử và nhà thơ nổi tiếng như Trần Thánh Tông, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Mạc Thiên Tích, Tự Đức, Miên Thanh, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Phan Bội Châu... Với kết quả bước đầu như vậy, bài viết này tiến hành nghiên cứu về diễn ngôn hướng biển như trình bày dưới đây.

Các loại hình diễn ngôn hướng biển qua văn liệu Hán Nôm

Ở khía cạnh rộng rãi nhất, bất kỳ một tác phẩm ngôn từ nào đều có thể coi là một diễn ngôn lịch sử bởi mọi tác phẩm đều có tính lịch sử của nó được quy định bởi những bối cảnh văn hóa đặc thù trong đó các yếu tố tồn tại, chế ước, quan hệ với nhau như một mạng lưới liên văn bản. Các tác phẩm văn học hướng biển cũng vậy, đó là những văn bản diễn ngôn đa thanh, đa trị. Tính đa thanh, đa trị của các diễn ngôn văn học hướng biển không chỉ phụ thuộc vào vỏ ngôn ngữ/ngôn từ, mà còn chịu sự chi phối của các quan niệm thẩm mỹ, các chuẩn mực đạo đức, các quy phạm xã hội, bối cảnh tri thức và quyền lực chính trị [1]. Các tác phẩm văn học hướng biển, vì thế, đã tạo nên một phổ hệ diễn ngôn đa dạng, nhiều màu sắc, như sẽ trình bày dưới đây.

Văn học hướng biển: diễn ngôn lịch sử

Trong thời kỳ độc lập tự chủ, các sáng tác văn học biển đã có những dấu vết đáng kể với những tác phẩm thi ca của hàng loạt các tác giả nổi tiếng, mà phần lớn của các hoàng đế, các nhà Nho, nhà văn hóa như Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi... Hàng chục tác phẩm viết về biển, các hải cảng, các danh lam thắng tích cửa biển đã tạo nên sự phong phú về nội dung nghệ thuật. Không khí chung của các tác phẩm này là ca ngợi vẻ đẹp non sông, các chiến tích lẫy lừng của thủy trận trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm. Không thể nghi ngờ rằng, đây là một mảng văn học chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam. Những tác phẩm này, ngoài giá trị như những sử liệu, còn mang nhiều giá trị về mặt văn học. Đó là cảm hứng dân tộc, cảm hứng nhân văn, và khái cảm lịch sử... Ví dụ trong bài thơ *Hạnh An Bang phủ*, vua Trần Thánh Tông (1240-1290) viết như sau:

Sáng leo lên đỉnh mây trời
Tối về vụng biển nằm ngơi trăng vàng
Bỗng nhiên được thú thênh thang
Bao nhiêu thi tứ tuôn tràn cung mây

Đây là bài thơ sớm nhất hiện còn viết về biển Việt Nam, mà lại là một tác phẩm của một vị quốc chủ. Nhan đề bài thơ cho thấy, tác giả đang có một cuộc tuần hạnh (công cán chính trị) đến một đơn vị hành chính ngoài biển là phủ An Bang (tức Quảng Ninh ngày nay). Thế nhưng, đọc cả bài thơ, chúng ta chỉ thấy một thi nhân đang thảnh thơi giữa giang sơn gấm vóc. Sáng leo lên đỉnh núi phủ đầy mây nổi, chiều về lại nằm ngủ trong vịnh trăng trong. Xúc cảnh sinh tình, nên nhà thơ mới dạt dào thi tứ. Trong cảm hứng của ông, cái đẹp của non sông có khi còn gắn liền với cảm hứng thế sự, cảm hứng chính trị như bốn câu thơ cuối của bài *Hạnh Thiên Trường hành cung:*

Trăng vô sự chiếu người vô sự
Nước mùa thu ngậm trời mùa thu
Bốn bể đã trong, nhơ đã lắng
Năm nay chơi thú vượt năm xưa

Bài thơ cho thấy một tâm thái an lạc, tĩnh tại. Sự tĩnh tại, an lạc không chỉ tồn tại như một cảm xúc thẩm mỹ mà còn như một triết lý nhân sinh [2]. Đó là khoảnh khắc nhàn hạ giữa trăm công nghìn việc của một vị đế vương. Đầu bài thơ là khung cảnh thanh u, ắng lặng. Nhà thơ ca ngợi vùng đất Thiên Trường như một đảo châu trong các tiên đảo huyền thoại. Trăm loài chim hót véo von như sênh phách. Ngàn hàng quýt xanh mướt gợi nhớ đến điển "nô bộc quất" của Lý Hoành [3], hàm ý nhấn mạnh sự phong nhiêu của sản vật như là một biểu hiện của một nền chính giáo lành mạnh. Còn con người chủ thể ở đây, tuy thảnh thơi đấy, tuy nhàn tản đấy, nhưng kể cả trong lúc đó, ông vẫn nghĩ về những vấn đề của đất nước: "bốn biển trong xanh bởi đã sạch bóng quân thù". Câu thơ hẳn có sự hồi hướng đến cuộc chiến oai hùng chống giặc Nguyên Mông năm nào.

Khái cảm lịch sử với cái nhìn "siêu việt thời gian" có thể coi là một đặc điểm điển hình trong thi pháp văn học trung đại. Bất kỳ ai, nếu một lần có cơ hội được đứng trên những địa danh đã đi vào lịch sử như Bạch Đằng cũng đều có chung một cảm hứng như vậy, từ Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, cho đến Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi:

Khí biển hơi may thổi lạnh rùng
Bạch Đằng qua cửa nhẹ buồm dong
Chòm chòm núi đá kình băm xác
Lớp lớp bờ lau kiếm nát chồng
(朔風吹海氣凌凌， 輕起吟帆過白藤。 鱷斷鯨刳山曲曲， 戈沉戟折岸層層)

(nhóm Đào Duy Anh dịch)

Với Nguyễn Trãi, khi nhìn biển, ngoài khái cảm lịch sử, ông luôn đưa ra những nhận định về quy luật của vũ trụ và lẽ hưng vong của cuộc đời.

Cọc đóng trùng trùng trước sóng khơi
Lại ngầm lưới sắt bủa nơi nơi
Lật thuyền biết hẳn dân như nước
Dựa hiểm bằng đâu mệnh tại trời
(樁木重重海浪前，沉江鐵鎖亦徒然。 覆舟始信民猶水， 恃險難憑命在天)

(Lê Cao Phan dịch)

Nhìn cửa biển như một hệ thống phòng thủ then chốt với rừng cọc lưới sắt - binh hùng tướng mạnh, nhà thơ không chỉ đề cập đến những nỗ lực về quân sự và nghệ thuật binh pháp, mà còn đặt nó trong quan niệm chung về sự tổng hòa của các yếu tố địa chính trị để làm nên sự vững mạnh của một đất nước. Đó là sự tổng hòa của ba yếu tố: thiên thời - địa lợi - nhân hòa theo quan niệm truyền thống. Quân sự hùng hậu chỉ là một biểu hiện của "nhân hòa", còn điều cơ bản nhất của sức mạnh quân sự, của sự vững bền thể chế và sự tồn vong của triều đại chính là ở "lòng dân".

Như trên đã phân tích, diễn ngôn Nho giáo, đồng thời với diễn ngôn lịch sử, đã chi phối đến hệ hình tư tưởng và quan niệm thẩm mỹ của các sáng tác văn học hướng biển. Tiếp theo đây, chúng tôi sẽ đi sâu vào một phương diện khác của diễn ngôn Nho giáo qua trường hợp các bài thơ của hoàng đế Lê Thánh Tông.

Văn học hướng biển: diễn ngôn chính trị - đạo đức

Với 55 bài thơ hiện còn, Lê Thánh Tông là tác gia văn học hướng biển lớn nhất trong lịch sử văn học Việt Nam. Ông là vị quân vương dựng nên một diễn ngôn chính trị rõ rệt về biển đảo thông qua hệ thống các bài thơ "nhật ký công vụ" trong suốt cuộc đời 38 năm cai trị đất nước. Mỗi một bài thơ như một "cột mốc lịch sử", "cột mốc văn hóa" cắm chốt ở những cửa biển - địa điểm quan yếu theo dọc dài đất nước, như Bạch Đằng, Du Húc, Kinh Lư, Thần Phù, Hải Vân, Tư Dung, Nhật Lệ, Bố Chánh, Di Luân, Xích Lỗ... Sự xuất hiện mật tập các tác phẩm văn học hướng biển với hàng chục địa danh biển đảo của Lê Thánh Tông không phải ngẫu nhiên mà là kết quả tất yếu từ một nhận thức chính trị - văn hóa có hệ thống, có tầm chiến lược và tầm viễn kiến lâu dài.

Trước đây, trong bài *"Khảo về văn hiến Đại Việt qua trường hợp hoàng đế Lê Thánh Tông"*, chúng tôi cho rằng ông thuộc loại hình hoàng đế kiến tạo văn hóa, kiến tạo văn hiến thông qua tư duy tổng thể và chiến lược tổng thể cho Đại Việt vào thế kỷ XV. Đó là sự hoạch định ở các phương diện ngôn ngữ, văn tự, thư tịch, người hiền tài (nguyên khí quốc gia), phong tục tập quán, điển chương chế độ, văn chương và giáo dục khoa cử [4]. Ông đã sai quần thần biên soạn những bộ sách quan trọng hàng đầu trong lịch sử văn hóa Việt Nam, như *Thiên Nam dư hạ tập, Hồng Đức bản đồ, Đại Việt sử ký toàn thư, Quốc triều hình luật* (Bộ luật Hồng Đức), *Lê triều quan chế, Sĩ hoạn châm quy*...

Với một tư duy tổng thể toàn diện như vậy, biển đảo đã trở thành một đề tài không thể thiếu trong hoạt động kiến tạo văn hóa của Lê Thánh Tông. Như trên đã nêu, Lê Thánh Tông là một nhà chính trị kiến tạo thể chế, kiến tạo lộ trình phát triển, và hoạch định chiến lược văn hóa quân sự với cái nhìn địa chính trị sâu sắc. Năm 1467, ông đã ra lệnh cho quần thần vẽ bản đồ 12 thừa tuyên[3], năm 1469, quy định bản đồ của phủ, châu, huyện, xã, trang, sách[4]. Năm 1490, các bản đồ ấy được tập đại thành bộ sách *Hồng Đức bản đồ* nổi tiếng. Nếu như *Hồng Đức bản đồ* như một văn bản tổng thể về hình thế núi sông của đất nước, thì những bài thơ hướng biển của Lê Thánh Tông như là những dòng châu phê chói đỏ trên tấm bản đồ ấy. Đằng sau mỗi bài thơ là một diễn ngôn lịch sử, một diễn ngôn về chính trị - đạo đức:

Diệt bạo là nhân, bậc đế vương
Làm vua hiếu chiến dám đâu màng...
Biển Nam một buổi tan kình ngạc
Núi Mộ công thành yết cáo chương
(除殘去暴帝王仁,敢作窮兵黷武君...
佇見海南鯨鱷斷, 暮奴山勒告成文)

(Ngô Linh Ngọc dịch)

Bài thơ *Khải hành* được viết khi ông nhổ neo xuất quân Nam chinh tiến đánh Chiêm Thành. Ông nhận thức rõ rằng, gây việc can qua là biểu hiện của một quân vương hiếu chiến. Song cuộc Nam chinh của ông được đặt trên một bối cảnh chính trị cụ thể: sự giằng co lãnh thổ giữa hai vương quốc[5]. Trước đó năm 1469, người Chiêm đã cướp phá Hóa Châu[6]. Tháng 8 năm 1470, Trà Toàn đã đem hơn 10 vạn quân thủy bộ đánh úp Hóa Châu[7]. Tháng 10 năm ấy, sai sứ sang nhà Minh báo việc Chiêm Thành, tháng 11 đặt 52 điều lệnh về việc hành binh[8]. Như vậy, việc xuất

[3]Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư.* Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 36b.
[4]Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư.* Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 51a.
[5]Xem Li Tana (1992, tái bản1999, tr. 25-28).
[6]Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư.* Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 50a.
[7]Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư.* Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 54b.
[8]Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư.* Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 55a.

chinh được ông thực hiện bài bản đúng theo quy trình chính trị, và coi là một hành động "trừ gian diệt bạo", "điếu dân phạt tội"[9]. Đó là biểu hiện lòng Nhân của bậc đế vương đối với nhân dân. Từ một nhãn quan chính trị có kinh nghiệm lịch sử, ông lập tức nhận ra rằng, đây là một cơ hội chính thức - một lý do chính đáng để xóa Chiêm Thành khỏi bản đồ của lịch sử "biển lớn Chiêm Thành quăng roi lấp cạn":

Nhà vua liệu kế vì tông miếu,
Tướng sĩ mong tên sáng sử xanh
Cắp núi qua khơi, ngời khí trẻ
Cầu vồng chín đợt sáng lung linh
(君王圖遠宗桃計，烈士思垂竹帛名。
年少挾山超海氣，長虹皓皓九霄明)

(Ngô Linh Ngọc dịch)

Đọc những lời thơ trên đây, ta phần nào hiểu thêm được diễn ngôn chính trị - đạo đức của Lê Thánh Tông. Xuất phát điểm là sự gây hấn của Chiêm Thành "hoang bạo"[10], buộc hoàng đế phải đích thân xuất chinh để "diệt bạo trừ thù"[11]. Đó là lòng nhân, đồng thời cũng là cái tráng tâm đối với thương sinh[12]. Theo quan niệm truyền thống của Nho gia, bậc thánh vương xuất quân đánh dẹp những kẻ láng giềng không quy phục là một hành vi chính trị - đạo đức của các bậc tiên vương tiên hiền thời cổ[13]. Như thế, việc chinh phạt là một hành động đa trị: với giặc là trừ bạo ngược thể hiện đạo Nghĩa, với dân là thể hiện lòng Nhân, với xã tắc là thể hiện trách nhiệm hành Đạo của một hiền vương văn minh, với tổ tông là sự thực hiện của đạo Hiếu. Mục đích của hành động điếu phạt là để hướng đến một xã hội thái bình.

Trên đây là những nghiên cứu về nền tảng tư tưởng Nho giáo, và ý thức về quyền lực, hệ thống tri thức như là một trường lực để cấu thành diễn ngôn của hoàng đế Lê Thánh Tông. Ở một khía cạnh khác, như lời của Jakob Torfing, diễn ngôn chính trị - đạo đức của Lê Thánh Tông là "kết quả của thao tác có tính chất quyền năng, nhằm xác lập địa vị đứng đầu về chính trị, đạo đức trí tuệ trong xã hội"[14]. Dĩ nhiên, các tác phẩm văn học biển đảo của tác giả này và của nhiều tác giả khác không chỉ dừng lại ở đó, mà nó còn được thể hiện ở một chiều kích khác: diễn ngôn trữ tình, mà bài viết này chưa thể đề cập đến do khung khổ dung lượng không cho phép.

Kết luận

Bài viết đã đưa ra một cách nhìn mới về lịch sử văn học Việt Nam qua mảng văn liệu hướng biển. Biển không hẳn là một không gian hoạt động được phản ánh một cách vô thức, mà thực sự đã trở thành một đối tượng/một chủ đề của hoạt động sáng tác văn học. Tư duy hướng biển và văn học biển đảo vốn được xây dựng từ "cơ tầng văn hóa biển" [5], là xu hướng không thể không xét đến trong diễn trình lịch sử Việt Nam. Góc độ này phần nào mở ra tầm nhìn rộng lớn hơn so với nhãn quan hướng Bắc truyền thống. Người Việt, từ đất liền nhìn ra biển lớn, rồi từ biển lớn nhìn lại đất liền [6] để từ đó thấy được tổng thể các yếu tố địa chính trị, địa văn hóa đã tạo lập nên các cạnh khía khác nhau của diễn ngôn lịch sử. Với những phác thảo ban đầu, chúng tôi thấy, diễn ngôn Nho giáo chiếm một địa vị khá quan trọng, dường như nó trở thành bối cảnh tri thức, hệ thống quyền lực để xâu chuỗi các xu hướng khác nhau của diễn ngôn văn học. Như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt, diễn ngôn Nho giáo đã trở thành một trong những nền tảng tư tưởng, và là động lực để người Việt hướng biển, và từ biển mở rộng về phương Nam.

[9]Lẽ trời thiện - ác, gương nhân quả, Diệt bạo vì dân, đạo đế vương. Thất đức, Trà Toàn dân chán bỏ, tội nhiều, họa lớn, lẽ không thương! (Ngô Linh Ngọc) (吊民伐罪帝王兵，茶全七德人心去.茶全七德人心去，上六闔闔不富冥 - Trú Điển Du hải khẩu). Xem thêm diễn ngôn chính trị đạo đức qua tờ chiếu thân chinh [Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản kỷ thực lục - Kỷ nhà Lê. Quyển XII. Trang 55a -58a].

[10]Giặc Chiêm ác, phạt đáng đời, trách gì ai, chớ oán trời nữa chi! (Ngô Linh Ngọc) (占城荒暴奸明罰，亦不尤人不怨天 - Kỳ La hải khẩu).

[11]Đợi sáng hồi lâu dòng mộng tắt, Diệt thù hừng hực chí xông pha (Ngô Linh Ngọc) (待旦坐長殘夢斷，不勝覆暴珍讎情 - Hoa Cái cảng).

[12]Vững vàng lướt sóng chân đều bước, Gắng gỏi vì dân chí cả nuôi (咸股縱横凌碧浪，壯心多少在蒼生 - Nhập Hoa Cái cảng).

[13]Vua hiền trị láng giềng ngông ngược, Công việc người xưa cũng thế này (Ngô Linh Ngọc) (謙五以鄰征不服，先賢作福作威年 - Hiểu xuất Thiết sơn cảng). Lời Hào Lục ngũ quẻ Khiêm trong *Kinh Dịch*: "khiêm tốn sai khiến được kẻ láng giềng. Lợi dụng lấn đánh không gì không lợi". Cũng viết: "Lợi dụng lấn đánh là chi việc lấn đánh kẻ không phục". Hào Khiêm tượng cho ngôi vua.

[14]*Lý thuyết hiện đại về diễn ngôn* (2006, Ekaterenburg) (chuyển dẫn Trần Đình Sử, 2013).

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Đình Sử (2014), "Bước ngoặt diễn ngôn và sự đổi thay hệ hình nghiên cứu văn học", Link: https://trandinhsu.wordpress.com.

[2] Huệ Chi (1983), "Động và tĩnh của đất nước qua thơ các vị vua thi sĩ đời Trần", *Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam thời kỳ Cổ cận đại*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội, tr21-38. Tái bản 2013, *Văn học cổ cận đại Việt Nam: từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[3] Trần Trọng Dương (2014), *Nguyễn Trãi quốc âm từ điển*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[4] Trần Trọng Dương (2011), "Văn hiến Đại Việt thế kỷ XV qua trường hợp hoàng đế Lê Thánh Tông", *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, **Số 06**, tr.03-28.

[5] Nguyễn Văn Kim (chủ biên, 2011), *Người Việt với biển*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

[6] Tana Li (2006), "A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast", *Journal of Southest Asian Studies (SEAS)*, **37**, pp.83.